

LỜI CHÀO TRONG TIẾNG VIỆT VÀ MỘT VÀI VẤN ĐỀ VỀ XỬ LÝ CHÀO HỎI TRONG GIÁO TRÌNH DẠY TIẾNG GREETINGS AND MATTER OF COMPILING VIETNAMESE TEXTBOOKS

VŨ VĂN THI

(PGS.TS; Đại học KHXH&NV, ĐHQG Hà Nội)

Abstract: The greeting word “Chào” in Vietnamese is very complicated. It relates to the language contexts, social situations and position of speakers. There are many aspects of greeting “chào” in Vietnamese such as: Chào ông/bà/anh/chị/... (Hello), Chào ông/bà/anh/chị/... (Good bye), chào hàng (to offer), chào cờ (greeting flag), chào đời (to be born), chào hỏi (greeting by asking a question), chào mời (greeting by giving a invitation), ... The greeting word “chào” manifests the unique characteristics of Vietnamese culture. Therefore, students of Vietnamese should study it carefully, and teachers must pay much attention to it in teaching as well as compiling text-books of Vietnamese for foreigners.

Key words: word “chào”; Vietnamese culture; Vietnamese for foreigners.

Đối với mọi ngôn ngữ, mọi dân tộc, mọi nền văn hoá, lời chào là một hiện tượng ngôn ngữ phổ quát, là biểu hiện đầu tiên của mọi phong tục tập quán, đặc trưng văn hoá và ý thức của dân tộc đó. Chào bằng lời nói, bằng cử chỉ hoặc bằng lời nói và cử chỉ song hành là biểu hiện sự lễ phép, sự thân mật, sự chân thành, tôn trọng người khác và cũng là tôn trọng chính mình.

1. Lời chào trong truyền thống văn hóa Việt Nam

1.1. Đối với người Việt Nam, từ xa xưa, lời chào đã có một ý nghĩa thiêng liêng, có tầm quan trọng đặc biệt trong giao tiếp. Qua lời chào ta có thể nhận thấy sự kính trọng, niềm thân mật, hay thể hiện sự mong muốn nói chuyện, muốn làm quen của người chào. Sự giao tiếp có thành công hay không, những công việc cần được tiến hành sau đó có được thực hiện tốt hay không cũng phụ thuộc khá nhiều vào những lời chào đầu tiên đó.

1.2. Tính phổ biến và tầm quan trọng của lời chào trong cộng đồng người Việt được thể hiện rõ nét và sinh động trong văn hoá dân gian người Việt. Người Việt Nam ai cũng nhớ câu ngôn ngữ xưa: *Lời chào cao hơn mâm cỗ*. Mâm cỗ ở đây là những bữa tiệc thịnh soạn trong những ngày tết, ngày lễ, ngày giỗ hay những ngày đặc biệt khác như đám cưới, đám mừng Bữa tiệc dù có sang đến mấy, nhưng nếu không có được lời chào nồng nhiệt của chủ nhà thì những người đến dự tiệc cũng cảm thấy bữa tiệc tẻ nhạt và giảm giá trị đi

nhieu. Trong ca dao cổ Việt Nam có câu: *Gió nồm là gió nồm nam/ Có người quân tử ăn tham không chào*. Theo người Việt, quân tử phải là người nho nhã, lịch thiệp, có giáo dục, đòi hỏi phải biết lịch sự ngay cả trong những điều nhỏ nhặt hàng ngày như: trong nói năng, ăn uống, đi lại, đặc biệt là phải biết luôn chào hỏi và đúng mực trong ứng xử hàng ngày. Câu ca dao ở đây có ý chê bậc nam nhi quân tử thô tục, chăm chú vào việc ăn uống mà không chào khách, không chào tức là không xứng đáng là bậc quân tử.

Để làm quen, tiếng nói đầu tiên, hành vi đầu tiên phải là sự chào hỏi, thiếu điều đó thì không thể trò chuyện, không thể giao tiếp thành công được và càng không thể trở thành bạn bè được. Vì vậy, ca dao cổ Việt Nam cũng có câu: *Đến đây, đầu lạ, sau quen/ Chào nhau một tiếng thì nên bạn bè*. Từ xa xưa cũng như ngày nay, trong những ngày lễ tết đặc biệt, hoặc để đón tiếp một nhân vật quan trọng nào đó về làng, người ta thường dựng lên một cái cổng trang hoàng hoa lá đẹp đẽ, gọi là “cổng chào” với ý nghĩa là chào đón quý khách vào làng. Bởi vì, theo phong tục Việt Nam xưa, trong những ngày tết đầu năm mới, gia đình nào có đông người đến thăm thì gia đình đó trong năm mới sẽ phát đạt, thịnh vượng, gia đạo yên vui; làng nào có nhiều người đến thăm, đến dự hội làng thì năm đó sẽ thịnh vượng, phát đạt, lúa gạo dồi dào, đời sống yên vui, dân làng khoẻ mạnh... Ngày nay, ở một số tỉnh,

ngay đầu tỉnh có dựng một tấm pa-nô lớn, có tỉnh còn kèm theo biểu tượng văn hoá của tỉnh mình với một dòng chữ lớn: KÍNH CHÀO QUÝ KHÁCH”. Nếu có dịp đến Hà Nội, ta sẽ thấy gần cầu Thăng Long, đi từ phía sân bay về Hà Nội, một tấm pa-nô lớn với dòng chữ: HÀ NỘI CHÀO MỪNG. Đó là lời chào của Hà Nội đối với quý khách.

1.3. Thật hiếm có ngôn ngữ nào trên thế giới, từ chào lại được sử dụng phong phú, thể hiện trong nhiều trường hợp khác nhau của đời sống xã hội và trong nhiều tình huống giao tiếp hàng ngày như tiếng Việt.

Khi gặp nhau, người ta chào nhau như: *chào ông, chào bà, chào anh, chào chị, chào bác, chào chú, chào cô, chào em*,... Khi tạm biệt, người ta cũng nói chào như: *chào ông, chào bà, cháu về ạ; chào anh, chào chị, em đi ạ*,... Khi mời mua hàng, người Việt nói *chào hàng*. Trong văn nghệ diễn xướng dân gian như chèo, chúng ta sẽ thấy màn *chào hỏi* mở đầu cho vở diễn. Trong hát quan họ, mở đầu cuộc hát là bài *hát chào*,... Trong hội hè, khi kết thúc đám hội, người Việt có *chào già bạn*. Chia tay đi xa, người Việt nói *chào từ biệt*, ngày nay, hiện đại hơn, người ta nói *chào tạm biệt*,... Khi đến viếng người quá cố, người Việt nói *chào vĩnh biệt*. Khi gia đình có tiệc vui, chủ nhà ra *chào làng*. Khi cô dâu, chú rể ra mắt mọi người, nói là ra *chào quan viên hai họ*. Khi có nghi lễ lớn, người ta kéo cờ lên, gọi là *chào cờ*. Khi một em bé sinh ra, người ta nói *chào đời*. Khi đã quen biết nhau, người ta hỏi để chào, gọi là *chào hỏi*. Khi đang có việc vui, hoặc đang ăn uống thấy khách, người ta chào bằng cách mời, gọi là *chào mời*,...

2. Các cách chào trong tiếng Việt

2.1. Chào thường ngày

Chào thường ngày là cách chào xã giao khi gặp mặt. Thông thường, khi gặp nhau thì người ít tuổi (xét theo quan hệ xã hội), hoặc người có cương vị thấp hơn (xét theo quan hệ xã hội hay họ hàng) thường chào trước. Cách chào thường thể hiện sự giao tiếp thông thường nên người ta thường chọn cách chào đơn giản. Ví dụ: *Chào+ông/bà/anh/chị/em; Chào+các/chú/cô*... Trong cách chào thường ngày, người Việt Nam ít dùng kính ngữ.

2.2. Chào thân mật

Trong giao tiếp thường ngày, để thể hiện sự thân mật, người Việt còn có các cách chào khác nhau tùy thuộc vào bối cảnh giao tiếp lúc đó như: chào hỏi, chào mời. Chào hỏi thường dùng với những người đã quen

biết từ trước. Cách chào này là người ta sẽ hỏi một câu gì đó, nhưng mục đích không phải là nhằm vào nội dung câu hỏi và chờ đợi câu trả lời mà đó chỉ là biểu hiện một cách chào. Cách đáp lại có thể là một lời chào bình thường như: *vâng, chào ông/bà/anh/chị/em*... hoặc trả lời bằng một câu chung chung, câu trả lời đó cũng là một cách chào lại. Chẳng hạn: Ta gặp một người quen là nam giới, trạc tuổi mình, ta chào bằng một cách hỏi: - *Anh đi đâu đấy!* Người được chào có thể đáp lại bằng một câu chào như: *Chào anh* hoặc: *Chào bạn, mình đi đằng này một chút*... Một ví dụ khác, ta gặp một ông già mà ta đã quen biết, đang trồng cây bên đường, ta chào bằng một câu hỏi: - *Ông trồng cây ạ?* Người đó sẽ đáp lại bằng một câu chào như: *Chào cháu*, hoặc chào lại bằng một câu chào hoặc câu chào hỏi: *Chào cháu*, hoặc *Chào cháu, cháu đi đâu đấy?*...

Trong cách chào hỏi, người chào thường chào bằng cách hỏi ngay vào hành động mà người đó đang tiến hành. Chẳng hạn, khi ta gặp một chị đang đọc sách, ta có thể chào: *Chị đọc sách ạ*. Gặp thầy giáo đang xem vô tuyến, ta có thể chào: *Thầy xem vô tuyến ạ*; gặp mấy anh, chị đang ăn cơm, ta có thể chào: *Các anh, chị ăn cơm ạ*... Cách chào hỏi này rất thông dụng trong tiếng Việt, không chỉ dùng để chào hỏi khi gặp mặt mà còn dùng khi chào tạm biệt. Chẳng hạn, khi ta đến thăm gia đình người bạn, khi ra về, ta nhìn thấy bố bạn ấy ấy đang đọc sách, ta có thể chào: *Bác đọc sách, cháu về ạ*. Người được chào có thể đáp lại là: *Chào cháu*, hoặc *cháu về nhé*, hoặc *chào cháu, cháu về nhé*... Tương tự, khi ra về, ta nhìn thấy chị gái của bạn đang nấu cơm, ta có thể chào tạm biệt bằng cách nói: *Chị nấu cơm, em về đây ạ*, chị ấy sẽ đáp lại: *Ừ, chào em, em về nhé*...

Chào mời cũng là cách chào thể hiện sự thân mật, gần gũi của người Việt. Chào mời là chào bằng một lời mời. Cách chào mời thường được sử dụng khi chúng ta đang ăn, uống, hoặc đang thưởng thức một cái gì đó thì có người khác đến. Lúc đó chúng ta sử dụng cách chào mời. Nội dung lời mời ở bậc hiển ngôn là mời khách vào tham dự với chúng ta, nhưng ngụ ý chỉ là thay cho một lời chào khi gặp mặt. Ví dụ, chúng ta đang uống trà, một người khác đến, có thể chỉ là đi ngang qua, ta nói: *Mời các anh uống trà!*, người được chào mời có thể đáp lại là: *Vâng, các anh uống trà ạ*. Hoặc, khi chúng ta đang ăn cơm có khách đến ta nói: *Các anh ăn cơm với chúng tôi nhé*; hoặc *Mời các anh ăn cơm nhé!* Khi chúng ta mời như vậy, tất nhiên người được mời sẽ không bao giờ đến ăn hoặc đến uống với chúng ta, vì

đó không phải là lời mời mà chỉ là một lời chào thay cho câu nói: *Chào anh*. Trong những trường hợp như vậy, người được chào sẽ chào lại bằng cách nói: *Chào các anh. Mời các anh cứ tự nhiên*; hoặc: *Các anh dùng cơm ạ*; hoặc: *Chào các anh*,...

Ở nông thôn Việt Nam, khi cả gia đình đang ăn cơm, có khách đến, chủ nhà bao giờ cũng nói: *Mời ông/bà/bác/chú/cô/anh/chị... xơi cơm* hoặc *Ông/bà...xơi cơm với chúng tôi nhé*...Khách sẽ đáp lại: *Vâng, chào cả nhà, mời gia đình xơi cơm ạ*. hoặc: *Cám ơn,gia đình cứ tự nhiên ạ*...Ai cũng hiểu, lời mời đó không có nghĩa là mời khách ăn thực sự mà đó chỉ là một lời chào. Thậm chí, ngay cả trong những trường hợp người ta không quen biết nhau nhưng vẫn mời chào. Chẳng hạn, trên sông có 2 con thuyền đi ngang qua nhau, người ở thuyền này đang ăn cơm cũng nói với sang thuyền bên kia: *Mời các ông/bà/bác/anh/chị xơi cơm với chúng tôi nhé*. Trong trường hợp này, ít khi người Việt nói: *Chào các ông/bà/anh/chị*... mà thuyền được mời sẽ có thể đáp lại: *Vâng, xin chào, cám ơn các ông/bà/anh/chị*...; hoặc: *Mời các ông/bà/...cứ tự nhiên*; hoặc: *Các ông bà ăn cơm ạ*...

Trong những trường hợp mời chào, người Việt Nam cũng nhằm ngay vào những hoạt động mà người chào đang tiến hành ngay tại thời điểm đó để mời, nhưng đó phải là những hoạt động mang tính thụ hưởng như ăn uống, thưởng thức chứ không phải là những hoạt động mang tính lao động, sản xuất, học tập...như trong lời chào hỏi. Người cất lời chào đầu tiên thường là những người đang thưởng thức, thụ hưởng đó.

2.3. Chào nghi thức

Trong xã hội Việt Nam truyền thống, chào nghi thức cũng rất quan trọng. Nó thể hiện sự kính trọng của người dưới đối với người trên trong gia đình, của người trẻ đối với người già, của cấp dưới đối với cấp trên, của người dân bình thường đối với người có chức tước, địa vị nhất định trong xã hội, của học sinh đối với giáo viên... Đây là hình thức chào trang trọng, kèm theo lời chào còn có thể có những động tác nhất định.

2.3.1. Cách chào nghi thức trong gia đình

Trong các dịp lễ tết, đình đám trang trọng, khi con cháu gặp ông bà, bố mẹ hay người trên, đều phải chào một cách kính cẩn như: *Cháu chào ông/bà ạ*; *Cháu chào bác/chú ạ*; *Con chào bố mẹ ạ*. Trong lời chào, nhất định phải có chủ ngữ và kính ngữ ạ. Nếu thiếu chủ

ngữ, người Việt Nam cho là nói sách mé, thiếu tôn trọng. Khi chào, đồng thời với lời chào, trước đây, người chào phải vòng tay hoặc khoanh tay trước ngực, mắt hơi khép lại và đầu hơi cúi thấp một chút. Tuy nhiên, các động tác này hiện nay không còn nữa.

2.3.2. Cách chào nghi thức ngoài xã hội

Tương tự như vậy, ngoài quan hệ gia đình, khi gặp một người cao tuổi, bất kể gặp ở đâu, thời gian nào, đều phải chào. Trong trường hợp này, có hai cách chào: 1) Chào trang trọng: phải có chủ ngữ và kính ngữ, ví dụ: *Cháu chào cụ/ông/bà ạ*; *Cháu chào bác/chú ạ*; *Em chào anh/chị ạ*...; 2) Chào trang trọng nhưng vẫn có sự thân mật, câu chào thường không có chủ ngữ nhưng phải có kính ngữ, ví dụ: *Chào cụ/ông/bà...ạ*; *Chào anh/chị ạ*...

Trong giao tiếp xã hội, việc lựa chọn từ xưng hô để chào là rất quan trọng. Việc lựa chọn đó chủ yếu dựa trên quan hệ tuổi tác. Để có sự lựa chọn đúng, người Việt thường dựa trên sự so sánh tuổi tác người được chào với những người trong gia đình mình và bản thân mình. Ví dụ: Với những người tuổi tác tương đương hoặc nhiều hơn tuổi ông bà của mình thì gọi là: *ông, bà*; Với những người mà tuổi tác của họ lớn hơn tuổi cha mẹ mình thì thường gọi là: *bác*; Với người đàn ông ít tuổi hơn bố mẹ mình, ta gọi là *chú*; Với người phụ nữ ít tuổi hơn bố mẹ mình, ta gọi là *cô*; Với người đàn ông nhiều tuổi hơn mình, ta gọi là *anh*; nếu ít tuổi hơn mình ta gọi là *em*; Với một người phụ nữ nhiều tuổi hơn mình, ta gọi là *chị*; nếu ít tuổi hơn mình, ta gọi là *em*.

Khi chào cũng có 2 cách nói trang trọng và thân mật hơn nhưng vẫn trang trọng: 1) Cách chào trang trọng, phải có cả chủ ngữ lẫn kính ngữ, ví dụ: *Cháu chào ông ạ*; *Cháu chào bác ạ*...; 2) Cách chào trang trọng nhưng thân mật hơn thường không có chủ ngữ nhưng phải có kính ngữ, ví dụ: *Chào bác ạ*...; *chào chú ạ*...

2.3.3. Cách chào nghi thức trang trọng

Đây là cách chào xã giao khi gặp những người có địa vị xã hội nhất định hoặc chào nhau nơi công sở để tiến hành một công việc gì đó. Cách chào trang trọng, xã giao thường để bộc lộ sự kính trọng, tôn trọng địa vị của người được chào. Vì vậy, lời chào trang trọng thường phải chú ý đến tuổi tác, địa vị

xã hội, trong đó địa vị xã hội có vai trò quan trọng hơn và sử dụng tối đa các kính ngữ. Trong tiếng Việt chúng ta có các từ chỉ người với mức độ trang trọng khác nhau như: *Anh, chị*: dùng để chỉ người lớn tuổi hơn mình, hoặc người ít tuổi hơn nhưng có địa vị cao hơn thể hiện sự lịch sự, trang trọng. *Ông, bà*: dùng để chỉ người lớn tuổi, hoặc người trẻ tuổi hơn nhưng có địa vị xã hội cao. *Ngài*: dùng để chỉ người có vị trí rất cao như: ngài tổng thống, ngài chủ tịch, ngài bộ trưởng... Trong chào hỏi đối với người có địa vị xã hội cao hơn, người Việt ít dùng *anh, chị* mà dùng nhiều hơn các từ *ông, bà, ngài*, chẳng hạn: Với chủ tịch nước phải nói là *ngài*; Với chủ tịch thành phố, tập đoàn... là gọi là *ông/bà* hoặc *ngài* khi cần thể hiện nghi thức; Với chủ tịch quận, phường, giám đốc, hiệu trưởng... gọi là *ông/bà*. Đồng thời câu chào cũng thể hiện sự kính trọng ở các mức độ khác với việc dùng các kính ngữ đi kèm, ví dụ: Khi gặp chủ tịch nước phải chào là: *Xin kính chào ngài chủ tịch*. Khi gặp chủ tịch thành phố, chủ tịch tỉnh, phải chào là: *Xin chào ngài chủ tịch* hoặc *xin chào ông/bà chủ tịch*. Khi gặp chủ tịch quận, huyện, xã thì chào là: *xin chào ông/bà chủ tịch*... Tương tự như vậy, ta có cách xưng hô với các bộ trưởng, thứ trưởng hay với những người có cương vị quan trọng nhất định trong chính quyền, ta có thể gọi là *ngài*, hay *ông/bà* tùy theo bối cảnh cụ thể. Với giám đốc các công ti, doanh nghiệp, việc lựa chọn các chào *ngài* hay *ông/bà* tùy thuộc vào quy mô, vị thế của mỗi công ty, doanh nghiệp đó. Với các tập đoàn, công ty lớn, nên chọn cách nói *ngài*; với các công ty trung bình và nhỏ nên chọn cách nói *ông/bà*...

3. Vấn đề xử lý ngữ liệu chào hỏi trong giáo trình tiếng Việt cho người nước ngoài

3.1. Một vài khảo sát

Chào là một vấn đề lớn của tiếng Việt liên quan trực tiếp đến giao tiếp, sử dụng tiếng Việt hàng ngày, vì vậy, việc đưa và xử lý ngữ liệu chào hỏi trong giáo trình dạy tiếng Việt cho người nước ngoài là rất cần thiết. Có thể nói hầu hết các tác giả đều đưa các mẫu câu chào vào giáo trình ngay từ đầu.

Hầu hết các giáo trình cơ sở đều đưa mẫu câu chào lên đầu tiên, ngay trong bài số 1 như giáo trình của Vũ Văn Thi, Nguyễn Việt Hương, Nguyễn Anh Quế, Nguyễn Văn Phúc, Đoàn Thiện Thuật, Mai Ngọc Chừ, Nguyễn Văn Huệ... Ví dụ: Bài 1, giáo trình Tiếng Việt cơ sở của Vũ Văn Thi nêu:

Hội thoại 1: *Cô Lan: Chào anh, chào chị/ Ben, Lynn (sinh viên): Chào cô ạ.*

Hội thoại 2: *Chào bà, bà có khỏe không?/ Chào ông, cảm ơn ông tôi khỏe/ (...) Chào bà nhé. (chào tạm biệt)/Vâng, chào ông.*

Cùng với các mẫu chào hỏi là phần giới thiệu về các từ xưng hô cơ bản, thông dụng trong tiếng Việt như: ông, bà, anh, chị, em, ...

“Giáo trình tiếng Việt cho người nước ngoài” do Nguyễn Văn Huệ (chủ biên), sau phần phát âm, phần II, Bài học thì Bài 1 cũng là chào hỏi như:

Hội thoại 1.1: *Bình: Chào anh/ Nam: Chào anh, xin lỗi, anh tên là gì?*

Hội thoại 1.2: *Việt: Chào cô Lan, cô có khỏe không?/ Lan: Chào anh Việt, tôi vẫn khỏe, còn anh?*

Hội thoại 1.3: *Sinh viên: Chào cô/ Cô giáo: Chào các bạn. Các bạn khỏe không?*

Ngoài những mẫu câu chào hỏi cơ bản trên, các cách chào khá thông dụng khác như chào hỏi, chào mời còn chưa được quan tâm đúng mức.

Giáo trình bậc cơ sở hầu hết chỉ giới thiệu cách chào cơ bản hoặc cách hỏi cơ bản chứ chưa thể hiện được cách chào hỏi của người Việt.

Chẳng hạn, bài 5, Tiếng Việt cơ sở của Vũ Văn Thi viết: *Lynn: - Ben, anh đi đâu đấy?/ Ben: - Mình đi bưu điện...* Đây là câu hỏi cơ bản, không phải là câu chào hỏi.

Tương tự như vậy, trong giáo trình “Tiếng Việt cho người nước ngoài” do Bùi Phụng chủ biên, bài 25, hội thoại A có viết: *Mai: Chị đi đâu về đấy?/ Cúc: À, tôi đi chợ về, tôi đi mua ít hoa quả để chuẩn bị tết Trung thu.*

Bài: 6. Tiếng Việt cho người nước ngoài. Trình độ nâng cao. Trịnh Đức Hiền chủ biên. Hội thoại 2 có viết: *Cháu Hoàng: - Ông ơi, ông trồng cây chuối hơ ông?/ Ông Bảo: - Ủ, ông trồng cây chuối.*

Đây có thể là những câu chào hỏi nhưng các tác giả xử lý theo hướng câu hỏi cơ bản chứ không theo hướng chào hỏi.

Về chào mời, có thể nói đây là một khoảng trống vì hầu như chưa được giáo trình nào quan tâm thể hiện. Trong cuốn “Giáo trình Tiếng Việt nâng cao” (cho người nước ngoài) của Nguyễn Thiện Nam, Bài 1: *Lời chào trong tiếng Việt*, tác giả đã đề cập đến vấn đề chào hỏi và chào mời trong tiếng Việt. Tuy nhiên, phần luyện tập triển khai còn sơ sài, cần phải bổ sung thêm.

Về cách chào trang trọng, nghi thức, hầu như, tất cả các giáo trình từ bậc cơ sở đến cao cấp đều chưa thể hiện được.

3.2. Một vài suy nghĩ về vấn đề đưa và xử lý ngữ liệu chào hỏi trong giáo trình tiếng Việt

Trên cơ sở khảo sát một số giáo trình tiếng Việt cho người nước ngoài cho thấy các giáo trình, nhất là giáo trình bậc cơ sở đã quan tâm đến việc đưa và luyện tập chào thông thường với các mẫu câu chào cơ bản như: Chào + từ xưng hô (ông, bà, anh, chị, em, bác, chú, thầy, cô...). Các cách nói về chào hỏi được thể hiện ít và không rõ, còn cách nói chào mời hầu như chưa được thể hiện. Vì vậy, việc biên soạn giáo trình cần chú ý hơn đến vấn đề này theo hướng như sau: Giáo trình cơ sở thể hiện các chào thông thường, chào hỏi; Giáo trình trung cấp phải thể hiện được các cách chào mời, chào nghi thức; Giáo trình cao cấp nên có một bài mang tính tổng quát về các cách chào trong tiếng Việt dưới dạng một bài đọc hay bài đọc thêm của giáo trình.

Trong tiếng Việt, lời chào được sử dụng một cách đa dạng, phong phú và tinh tế gắn với những bối cảnh, ngữ cảnh khác nhau. Tiếng Việt có cách chào khi gặp mặt, cách chào khi chia tay, tạm biệt, có cách chào hỏi, có cách chào mời, có lời chào đón mời gọi khách đến thăm, có màn chào hỏi trong nghệ thuật diễn xướng... Sự phong phú và tinh tế đó một mặt phản ánh tính cởi mở, tính rộng rãi, mến khách của người Việt, mặt khác cũng thể hiện tính nghi thức trong giao tiếp. Đây cũng là một đặc trưng quan trọng, độc đáo của tiếng Việt cũng như văn hoá Việt Nam. Vì vậy, về vấn đề này, học viên nước ngoài cần tìm hiểu kỹ và thực hành nhiều, giáo viên cần chú ý, quan tâm thích đáng đến các cách chào hỏi trong giảng dạy cũng như việc biên soạn giáo trình tiếng Việt cho người nước ngoài.

Tài liệu tham khảo

A. Tiếng Việt:

1. Bùi Phụng (Chủ biên) (1992), *Tiếng Việt cho người nước ngoài*, NXB ĐH&THCN.
2. Nguyễn Anh Quế (1994), *Tiếng Việt cho người nước ngoài (Vietnamese for foreigners)*, NXB Giáo dục.
3. Mai Ngọc Chừ (1995), *Tiếng Việt cho người nước ngoài (Vietnamese for foreigners)* NXB GD.
4. Đinh Thanh Huệ (1997), *Tiếng Việt thực hành dùng cho người nước ngoài*, NXB ĐHQGHN.

5. Nguyễn Thiện Nam (1998), *Tiếng Việt nâng cao (cho người nước ngoài)*, NXB Giáo dục.
6. Ngô Như Bình, *Elementary Vietnamese*, USA. Tuttle Publishing. 1999.
7. Dana Healy (2001), *Tiếng Việt (Vietnamese – A complete course for beginners)*, Ho Chi Minh city Publishing House.
8. Nguyễn Văn Phúc (chủ biên) – Đào Văn Hùng - Nguyễn Văn Chính (2004), *Tiếng Việt cho người nước ngoài (Vietnamese for foreigners)*, NXB ĐHQGHN.
9. Đoàn Thiện Thuật (chủ biên) (2004), *Tiếng Việt (sách dành cho người nước ngoài)*, NXB ĐHQG HN.
10. Trịnh Đức Hiền (chủ biên) (2004), *Tiếng Việt cho người nước ngoài (trình độ nâng cao)* NXB ĐHQG HN.
11. Đoàn Thiện Thuật (chủ biên) (2005), *Thực hành tiếng Việt (sách dành cho người nước ngoài) - Trình độ B*, NXB Thế giới.
12. Đoàn Thiện Thuật (chủ biên) (2005), *Tiếng Việt (sách dành cho người nước ngoài)*, Trình độ C, NXB Thế giới.
13. Nguyễn Việt Hương (2004), *Thực hành Tiếng Việt. Dùng cho người nước ngoài (Practice Vietnamese. Use for foreigners)*, NXB ĐHQG HN.
14. Nguyễn Văn Huệ (Chủ biên) - Trần Thị Minh Giới - Nguyễn Ngọc Hân - Thạch Ngọc Minh (2008), *Giáo trình Tiếng Việt cho người nước ngoài (Vietnamese as a second language)*, NXB ĐHQG TP. HCM.
15. Vũ Văn Thi (2011), *Tiếng Việt cơ sở: Vietnamese for Beginners*, NXB ĐHQG HN.

B. Tiếng nước ngoài:

1. Michael Swan (1995), *Practical English usage*. Oxford University Press.
2. Graham Lock (1996), *Functional English grammar - An introduction for second language teachers*. Cambridge University Press.
3. Franklin. E. Huffman and Tran Trong Hai (1980), *Intermediate spoken Vietnamese*. Cornell Uni.
4. Douglas Brown (2000), *Principles of language learning and teaching*. (Fourth Edition). San Francisco State University.
5. *The common European framework in its political and education context* - Wikipedia (bản điện tử).
(Ban Biên tập nhận bài ngày 05-09-2013)